

Bản án số: 18/2020/HS-ST

Ngày 25 tháng 6 năm 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH LÀO CAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Ngô Đức Quang.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà: Hoa Thị Vân.

2. Bà: Trương Thị Tuyết.

-Thư ký phiên toà: Bà Đặng Thu Hà - Thư ký toà án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Cường- Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số:17/2020/TLST-HS ngày 02 tháng 6 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2020/QĐXXST-HS ngày 12/6/2020 đối với bị cáo:

Trương Văn D - (tên gọi khác: Không) - sinh ngày 01 tháng 8 năm 1984, tại huyện B, tỉnh Lào Cai.

Nơi cư trú: Thôn 4, xã K, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hoá: 3/12; Dân tộc: Dao; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt nam; Con ông Trương Văn M (đã chết) và bà Bàn Thị S (đã chết).

Vợ: Lý Thị T - sinh năm 1983 (đã ly hôn).

Con: Bị cáo có 02 con lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2006.

Vợ con bị cáo đều trú tại: Thôn 1, xã K, huyện B, tỉnh Lào cai.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bản án số 28/2014/HSST ngày 30/9/2014 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai. Xử phạt Trương Văn D 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng về tội trộm cắp tài sản, tính đến ngày phạm tội mới đã được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/5/2020, hiện đang tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Lào Cai. Có mặt tại phiên tòa

- **Người bào chữa** cho bị cáo D là bà Nguyễn Thị Hương T - Trợ giúp viên trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Lào Cai. Có mặt tại phiên tòa.

- **Bị hại :** Hoàng Văn S - năm sinh 1971, tại huyện B, tỉnh Lào Cai.

Nơi cư trú: Thôn H, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Vắng mặt, đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án như sau: Khoảng 23 giờ ngày 02/4/2020, Trương Văn D đi bộ dọc theo bờ sông Hồng từ khu vực chợ xã B đến thôn H, xã B, huyện B thì nhìn thấy có 02 (hai) chiếc thuyền đang neo đậu dưới sông, không có người trông coi, Trương Văn D nảy sinh ý định và đã trộm cắp 01 (một) chiếc thuyền bằng kim loại, màu sơn đỏ, dài 07 mét x rộng 1,4 mét để làm phương tiện đi về nhà, Trương Văn D liền tháo dây cáp buộc thuyền rồi trèo lên thuyền và thả trôi sông về hạ lưu hướng thành phố L. Đến 07 giờ ngày 03/4/2020, khi Trương Văn D di chuyển đến địa phận tổ 27, phường B, thành phố L thì bị anh Hoàng Văn S là chủ sở hữu chiếc thuyền truy tìm, phát hiện và trình báo công an phường B. Sau đó, công an phường B đã bàn giao toàn bộ hồ sơ cho cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B để giải quyết theo thẩm quyền. Tại cơ quan điều tra, Trương Văn D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Kết luận định giá tài sản số 03/KL.HĐĐG ngày 28/4/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện B kết luận: 01 (một) chiếc thuyền bằng kim loại dài 07 mét, rộng 1,4 mét, thuyền sơn màu đỏ. Trên thuyền có gắn 01 (một) máy nổ cole chạy xăng đã qua sử dụng có giá trị còn lại là 3.600.000 (*ba triệu sáu trăm nghìn đồng*).

Cáo trạng số17/CT - VKS ngày 31/5/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai, truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai để xét xử đối với bị cáo Trương Văn D về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- + Tuyên bố bị cáo Trương Văn D phạm tội “Trộm cắp tài sản”.
- + Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h,s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trương Văn D từ 06 tháng đến 09 tháng tù.
- + Về hình phạt bổ sung: Không cần áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.
- + Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu, nên không đề cập giải quyết.
- + Về vật chứng: 01 (một) chiếc thuyền bằng kim loại dài 07 mét, rộng 1,4 mét, thuyền sơn màu đỏ. Thuyền có gắn 01 (một) máy nổ cole chạy xăng đã qua sử dụng cơ quan điều tra thu giữ, đã trả lại cho bị hại là phù hợp với quy định của pháp luật.
- + Về án phí: Buộc bị cáo D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến của người bào chữa: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án, đánh giá chứng cứ, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho rằng: Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố và buộc tội đối với bị cáo Trương Văn D về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội. Về mức hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h,s khoản 1 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình. Xử phạt bị cáo Trương Văn D mức án dưới khung hình phạt là 04 tháng tù. Vì bị cáo là người dân tộc thiểu số, nhân thức pháp luật chế.

- Bị hại vắng mặt, trong đơn đề nghị xét xử vắng mặt bị hại có ý kiến: Về phần hình phạt đối với bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử theo quy định của pháp luật. Về phần bồi thường bị hại đã nhận được tài sản bị mất, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường khoản tiền nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tội danh và hình phạt: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Trương Văn D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận của bị cáo đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã truy tố đối với bị cáo và phù hợp với lời khai của bị hại cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã đủ cơ sở kết luận, bị cáo Trương Văn D là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu, lén lút chiếm đoạt tài sản có giá trị là 3.600.000đ (*ba triệu sáu trăm nghìn đồng*) đã cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Hành vi phạm tội của bị cáo D là nguy hiểm cho xã hội xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội tại địa phương. Nên việc đưa vụ án ra xét xử công khai tại phiên tòa hôm nay là cần thiết, thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật đối với người phạm tội. Đối với bị cáo D là người đã từng có tiền án về tội trộm cắp tài sản, bị cáo không ăn năn, hối cải mà sau khi được xóa án tích lại phạm tội mới và trong quá trình sinh sống tại địa phương bị cáo thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú không rõ lý do. Cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ điều kiện giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Bị cáo D không có tình tiết tăng nặng, được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ theo quy định của tại điểm h,s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Vì bị cáo phạm tội gây thiệt hại không lớn và thành khẩn khai báo.

Về mức hình phạt và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ như đại diện Viện kiểm sát đề nghị và phù hợp được chấp nhận. Người bào chữa đề nghị áp dụng Điều 54

Bộ luật hình sự, xử bị cáo D mức án là 04 tháng tù Là không phù hợp. Vì bị cáo là người có nhân thân xấu, đã từng có tiền án về tội trộm cắp tài sản.

[2] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy không cần phải áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự đối với bị cáo D vẫn đủ tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[3] Về vật chứng: 01 (một) chiếc thuyền bằng kim loại dài 07 mét, rộng 1,4 mét, thuyền sơn màu đỏ. Thuyền có gắn 01 (một) máy nổ cole chạy xăng đã qua sử dụng cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về bồi thường dân sự: bị hại đã nhận được tài sản bị mất, không yêu cầu bị cáo Dũng phải bồi thường, nên không đề cập giải quyết.

[5] Về hành vi và quyết định tố tụng của Điều tra viên, cơ quan cảnh sát Điều tra Công an huyện B, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự và bị cáo, bị hại, người bào chữa không có khiếu nại gì. Do đó các hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[6] Về án phí: Bị cáo D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h,s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trương Văn D phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về mức hình phạt: Xử phạt bị cáo Trương Văn D 07 (bảy) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam bị cáo 14/5/2020.

3. Về án phí: Buộc bị cáo Trương Văn D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đ (hai trăm nghìn đồng).

4. Quyền kháng cáo đối với bản án: Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Bị cáo; Bị hại;
- Phòng hồ sơ NV Công an tỉnh;
- CCTHADS huyện;
- CQCSĐT Công an huyện;
- CQTHAHS Công an huyện;
- Sở Tư pháp tỉnh Lào cai;
- Lưu HS-THS-THAHS (5);

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Ngô Đức Quang

